



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ DẦU TIẾNG

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Dầu Tiếng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Quý III	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	172.598.000.000	37.332.654.800	266.103.603.696	154,18%	
I	Thu nội địa	172.598.000.000	37.332.654.800	266.103.603.696	154,18%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	469.239.166.800	149.631.996.998	429.151.640.260	91,46%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.488.000.000	930.719.976	3.142.418.888	90,09%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.015.000.000	115.146.366	888.293.700	44,08%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	1.473.000.000	815.573.610	2.254.125.188	153,03%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	465.751.166.800	148.701.277.022	389.701.277.022	83,67%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	342.800.000.000	75.000.000.000	251.000.000.000	73,22%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	122.951.166.800	73.701.277.022	138.701.277.022	112,81%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư			17.296.827.606		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			19.011.116.744		
C	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	469.239.166.800	153.323.850.466	327.610.269.629	69,82%	
1	Chi đầu tư phát triển	5.784.000.000	59.068.619.009	62.282.218.139	1076,80%	
2	Chi thường xuyên	450.935.166.800	94.255.231.457	265.328.051.490	58,84%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	12.520.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					